

Số: 21/TB-ĐGTH

Quảng Bình, ngày 15 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà. Địa chỉ: Số 355 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tổ chức có quyền đưa tài sản ra đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch. Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở chính quyền huyện Quảng Trạch, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

1. Tài sản đấu giá là:

Quyền sử dụng 78 thửa đất ở tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hóc Sao, thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Diện tích từ 208,0 m²/thửa đến 436,3 m²/thửa. Giá khởi điểm từ 532.500.000 đồng/thửa đến 1.916.200.000 đồng/thửa;

(Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác)

Tiền mua hồ tham gia đấu giá: 500.000 đồng/thửa đất đăng ký.

Tiền đặt trước: Từ 10% đến 20% giá trị khởi điểm của từng thửa đất.

2. Đối tượng, điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá

Đối tượng, điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp hành tốt pháp luật đất đai, Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quy chế cuộc đấu giá. Nộp hồ sơ trực tiếp cho Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà.

3. Thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục đấu giá tài sản nêu trên

- Bán hồ sơ, tham khảo hồ sơ và đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày 19/01/2021 đến 16 giờ 30 phút ngày 03/02/2021 tại trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà, phòng họp Tầng 3 trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch và Hội trường UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- Địa điểm bỏ phiếu trả giá: Tại phòng họp Tầng 3 trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch hoặc tại Hội trường UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- Xem tài sản: Từ ngày 25/01/2021 đến ngày 26/01/2021 tại vị trí thửa đất đưa ra đấu giá *(Nếu có nhu cầu liên hệ trước ngày 25/01/2021 gặp anh Hoàng Tuấn Anh để Công ty sắp xếp thời gian cụ thể)*;

- Nộp tiền đặt trước: Từ ngày 01/02/2021 đến 16 giờ 30 phút 03/02/2021 vào tài khoản của Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà;

(Các thủ tục trên được thực hiện trong giờ hành chính các ngày làm việc)

- Tổ chức buổi công bố giá: Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 06/02/2021 tại Hội trường UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(Trường hợp số lượng người tham gia đấu giá đông, hội trường UBND xã Quảng Phương không đủ sức chứa, thì sẽ thay đổi địa điểm tổ chức công bố giá Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà có trách nhiệm thông tin lại cho người tham gia đấu giá biết để thực hiện)

Mọi thông tin cụ thể được niêm yết tại trụ sở: Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch và UBND xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại liên hệ: Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà: 0232.3896333;
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch: 0232.3516333;

Đăng thông báo Lần 1 vào ngày 15/01/2021, lần 2 vào ngày 20/01/2021./.

Nơi nhận:

- Cổng TTĐTQG về Đấu giá tài sản;
- Website UBND huyện Quảng Trạch;
- Website Công ty ĐGHD Trường Hà;
- TT PTQĐ huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Phương;
- Báo Quảng Bình;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu: HS, VP./.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tiên

PHỤ LỤC
ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI 78 THỬA ĐẤT Ở TẠI DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ
THUẬT KHU DÂN CƯ HÓC SAO, XÃ QUẢNG PHƯƠNG, HUYỆN QUẢNG TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 05 ngày 14/01/2021 của Công ty
 Đấu giá hợp danh Trường Hà)

TT	Kí hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (Đồng)	Tiền đặt trước (Đồng)	Tiền mua hồ sơ (Đồng)	Ghi chú
I	Các thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 15m								
1	OM7.30	201	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
2	OM7.29	202	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
3	OM7.28	203	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
4	OM7.27	204	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
5	OM7.26	205	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
6	OM7.25	206	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
7	OM7.24	207	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
8	OM7.23	208	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
9	OM7.22	209	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
10	OM7.21	210	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
11	OM7.20	211	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
12	OM7.19	212	37	ONT	208,0	532.500.000	100.000.000	500.000	
13	OM8.1	229	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
14	OM8.2	230	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
15	OM8.3	231	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
16	OM8.4	232	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
17	OM8.5	233	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	

18	OM8.6	234	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
19	OM8.7	235	37	ONT	260,0	665.600.000	100.000.000	500.000	
II	Các thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 15m								
20	OM7.18	213	37	ONT	316,5	972.300.000	100.000.000	500.000	02 mặt tiền
21	OM8.8	236	37	ONT	362,9	1.114.800.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
III	Các thửa đất hướng Đông Nam đường quy hoạch rộng 15m								
22	OM1.16	189	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
23	OM1.15	190	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
24	OM1.14	191	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
25	OM1.13	192	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
26	OM1.12	193	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
27	OM1.11	194	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
28	OM1.10	195	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
29	OM7.5	215	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
30	OM7.6	216	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
31	OM7.7	217	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
32	OM7.8	218	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
33	OM7.9	219	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
34	OM7.10	220	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
35	OM7.11	221	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
36	OM7.12	222	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
37	OM7.13	223	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
38	OM7.14	224	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	

39	OM7.15	225	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
40	OM7.16	226	37	ONT	208,0	585.700.000	100.000.000	500.000	
41	OM13.16	12	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
42	OM13.15	13	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
43	OM13.14	14	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
44	OM13.13	15	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
45	OM13.12	16	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
46	OM13.11	17	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
47	OM13.10	18	39	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
IV Các thửa đất hướng Đông Nam đường quy hoạch rộng 15m									
48	OM1.9	196	37	ONT	392,2	1.305.200.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
49	OM7.17	227	37	ONT	326,5	1.086.600.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
50	OM13.9	19	39	ONT	372,9	1.241.000.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
V Các thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 25m									
51	OM1.1	180	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
52	OM1.2	181	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
53	OM1.3	182	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
54	OM1.4	183	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
55	OM1.5	184	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
56	OM1.6	185	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
57	OM1.7	186	37	ONT	260,0	732.200.000	100.000.000	500.000	
VI Thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 25m									
58	OM1.8	187	37	ONT	382,2	1.272.000.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền

VII	Các thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 28m								
59	OM13.1	3	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
60	OM13.2	4	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
61	OM13.3	5	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
62	OM13.4	6	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
63	OM13.5	7	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
64	OM13.6	8	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
65	OM13.7	9	39	ONT	260,0	765.400.000	100.000.000	500.000	
VIII	Thửa đất hướng Tây Bắc đường quy hoạch rộng 28m								
66	OM13.8	10	39	ONT	362,9	1.254.200.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
IX	Các thửa đất hướng Đông Nam đường quy hoạch rộng 28m								
67	OM8.16	238	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
68	OM8.15	239	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
69	OM8.14	240	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
70	OM8.13	241	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
71	OM8.12	242	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
72	OM8.11	243	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
73	OM8.10	244	37	ONT	260,0	832.000.000	100.000.000	500.000	
X	Thửa đất hướng Đông Nam đường quy hoạch rộng 28m								
74	OM8.9	245	37	ONT	372,9	1.384.200.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
XI	Các thửa đất hướng Tây Nam đường quy hoạch rộng 42m								
75	OM7.2	198	37	ONT	264,5	968.100.000	100.000.000	500.000	
76	OM7.3	199	37	ONT	263,1	962.900.000	100.000.000	500.000	

XII Các thửa đất hướng Tây Nam đường quy hoạch rộng 42m									
77	OM7.1	197	37	ONT	435,4	1.912.300.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
78	OM7.4	200	37	ONT	436,3	1.916.200.000	200.000.000	500.000	02 mặt tiền
Tổng cộng: 78 thửa đất ở					20.200,3	60.025.400.000			

[Handwritten signature]

